

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/DS-ST**

Ngày: 02/6/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Hoàng Nam**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**

Ông **Đinh Thiện Tuy**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hoàng Thị Phi Nga** - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng** tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hoài Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T (Gọi tắt là: **Ngân hàng S**).

Trụ sở: Lầu 8, số 266 - 268 N K Kh Ngh, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân H – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T - Chi nhánh Thủ đô. Người nhận ủy quyền lại: Ông Trần Quang H - Chuyên viên Ngân hàng, theo Giấy ủy quyền số 24/2021/UQ-CNTĐ ngày 22/3/2020. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Chị **Phạm Thu Tr** - sinh năm 1990.

Nơi cư trú: số 128 L Đ, phường Đ M, quận H B Tr, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là **Ngân hàng**

## **thương mại cổ phần S G T T trình bày:**

Ngày 18/8/2017, chị Phạm Thu Tr ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của chị Tr, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, chị Tr đã nhiều lần thực hiện các giao dịch và cũng đã thanh toán trong các kỳ sao kê như đã cam kết. Tuy nhiên đến kỳ sao kê ngày 30/11/2019, chị Tr đã thực hiện số tiền giao dịch trong kỳ sao kê và còn nợ Ngân hàng số tiền là 39.927.487 đồng. Từ thời điểm đó, chị Tr đã vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào. Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng chị Tr vẫn vi phạm, ngày 01/3/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sau nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Tr phải thanh toán số tiền còn thiếu theo như thỏa thuận tín dụng, gồm: dư nợ thẻ và lãi quá hạn. Trong đó, dư nợ thẻ (cũng là dư nợ gốc) là tổng của các khoản tiền: số tiền khách hàng giao dịch chưa thanh toán 39.927.487đ, lãi trong hạn 4.669.968đ, phí trễ hạn 1.730.583đ, phí vượt hạn mức 269.485đ, phí thường niên (đã trả trước đó); Lãi quá hạn được tính trên dư nợ thẻ còn lại của khách hàng với lãi suất 150% lãi suất trong hạn từ thời điểm khoản nợ bị chuyển sang quá hạn (01/3/2020) đến khi thanh toán xong khoản nợ. Cụ thể: Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Tr trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/3/2021 là 74.040.822 đồng, trong đó dư nợ thẻ là 46.597.523 đồng, lãi quá hạn là 23.443.299 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/3/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là chị Phạm Thu Tr: Chị Tr có hộ khẩu thường trú tại số 128 L Đ, phường Đ M, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, tại Giấy cung cấp thẻ tín dụng, chị Tr cũng cung cấp địa chỉ cư trú như trên, ngoài ra không cung cấp địa chỉ nào khác. Tuy nhiên, qua xác minh, chính quyền địa phương cho biết chị Phạm Thu Tr không còn cư trú tại địa chỉ nêu trên. Chị Tr chuyển đến nơi cư trú khác không thông báo lại với nguyên đơn và chính quyền địa phương nên trường hợp này được coi như là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, chị Tr không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do chị Tr không thực hiện nghĩa vụ của đương sự,

nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

### **Tại phiên tòa:**

Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T yêu cầu Tòa án buộc chị Tr thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 02/6/2021 là 74.402.366 đồng, trong đó dư nợ thế (cũng là dư nợ gốc) là 46.597.523 đồng, lãi quá hạn là 27.804.366 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03/6/2021 cho đến ngày chị Tr thanh toán được toàn bộ khoản vay.

Chị Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Việc ngân hàng gộp các khoản phí, lãi trong hạn vào số tiền giao dịch chưa thanh toán để xác định nợ gốc là không đúng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T, buộc chị Tr trả số tiền nợ gốc là số tiền giao dịch chưa thanh toán: 39.927.487 đồng; Chấp nhận một phần lãi quá hạn được tính trên dư nợ gốc nêu trên. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với chị Phạm Thu Tr, cư trú tại số 128 phố Lò Đúc, phường Đ M, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Đối với việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị Phạm Thu Tr là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Tr.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, chị Phạm Thu Tr không còn cư trú

tại địa chỉ: số 128 L Đ, phường Đ M, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Chị Tr không thông báo cho nguyên đơn và chính quyền địa phương về việc chuyển địa điểm cư trú của mình nên căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo đến Tòa án để lấy lời khai, Thông báo phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, Kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên họp,... đối với bị đơn là chị Phạm Thu Tr tại nơi cư trú cuối cùng (128 L Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) là đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật theo thủ tục chung.

**[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng:** Ngày 18/8/2017, chị Phạm Thu Tr ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Ngân hàng TMCP S G T T chấp thuận đề nghị và phê duyệt cấp thẻ tín dụng hạn mức là 40.000.000 đồng. Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2016 (sau đây gọi tắt là Điều khoản sử dụng thẻ). Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016), nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

**[4]. Về cách tính dư nợ thẻ và lãi quá hạn của Nguyên đơn:**

\* Theo như Bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án, Ngân hàng S xác định dư nợ thẻ cũng là dư nợ gốc, được xác định là tổng của các khoản: số tiền khách hàng giao dịch nhưng chưa thanh toán, lãi trong hạn, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí thường niên. Tuy nhiên cách tính của Ngân hàng là: số tiền nợ (gồm cả gốc, lãi, phí) của kỳ thanh toán trước thành số tiền nợ gốc của kỳ sao kê sau rồi tiếp tục tính lãi, phí trên số tiền đó (gồm cả gốc, lãi, phí) để xác định dư nợ cuối kỳ sao kê tiếp theo. Ví dụ: Kỳ sao kê ngày 31/12/2019, dư nợ sao kê đầu kỳ là: 41.378.299đ, Ngân hàng tính lãi trong hạn, các loại phí trên số tiền đó để xác định số tiền nợ đầu kỳ tiếp theo 31/01/2020 là: 42.863.865đ. Sau đó, Ngân hàng lại tiếp tục tính lãi trong hạn, các loại phí trên số tiền 42.863.865đ (đã gồm cả lãi, phí của kỳ trước) để xác định nợ gốc cuối kỳ tiếp theo là 44.615.406đ. Cách tính “lãi trên lãi”, “lãi trên phí” như trên của Nguyên đơn là trái quy định của pháp luật, dẫn đến việc xác định sai dư nợ gốc của khách hàng, dẫn đến việc tính sai các khoản lãi, phí liên quan.

\* Lãi quá hạn: được tính trên dư nợ thẻ còn lại của khách hàng với lãi suất 150% lãi suất trong hạn từ thời điểm khoản nợ bị chuyển sang quá hạn (01/3/2020)

đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tuy nhiên lãi quá hạn lại được tính trên dư nợ thẻ (gồm cả số tiền giao dịch, lãi trong hạn, phí) là không đúng. Theo quy định, lãi quá hạn chỉ được tính trên số nợ gốc (là số tiền giao dịch thực tế) của khách hàng.

Từ những nhận định trên thấy rằng: Cách xác định dư nợ gốc và lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP S G T T đối với Bị đơn là không đúng, cần phải xác định lại số tiền Bị đơn còn nợ Nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật.

**[5]. Về xác định số tiền Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn:** Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Luật các tổ chức tín dụng, khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, thì: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, gốc, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017 (như trường hợp của chị Tr ký ngày 18/8/2017) được xác định gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả và các loại phí hợp lý.

- Về nợ gốc: Là số tiền chị Tr đã thực hiện các giao dịch thực tế nhưng chưa thanh toán cho Ngân hàng, được xác định là: 39.927.487 đồng.

- Về lãi trong hạn: Theo điểm 22.1 Điều 22 Điều khoản sử dụng thẻ quy định: Lãi suất được tính từ ngày khách hàng thực hiện giao dịch, ở đây theo Bảng sao kê chi tiết thẻ hiện ngày khách hàng giao dịch số tiền nợ gốc là: 25/10/2019, lãi trong hạn được tính trên nợ gốc tính đến ngày 28/02/2020 (trước ngày khoản nợ bị chuyển sang quá hạn 01/3/2020). Như vậy lãi suất trong hạn là:  $39.927.487 \times 2,6\%/30 \times 126 \text{ ngày} = 4.360.082$  (Bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn không trăm tám mươi hai) đồng.

- Về lãi phạt chậm trả: được xác định theo mức lãi suất không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định (10%) tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn (từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/6/2021):  $4.360.082 \times 10\%/365 \times 458 = 547.100$  đồng.

- Về lãi quá hạn: Ngân hàng S xác định ngày khoản nợ chuyển sang quá hạn là 01/3/2020, lãi suất bằng 150% lãi trong hạn là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 23 Điều khoản phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Tuy nhiên phải tính lãi quá hạn trên dư nợ gốc, không được tính trên dư nợ thẻ (gồm cả lãi trong hạn, các loại phí) như cách tính của nguyên đơn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi quá hạn được xác định là:  $39.927.487 \text{ đồng} \times 2,6\%/30 \text{ ngày} \times 150\% \times 458 \text{ ngày} = 23.772.826$  đồng.

\* Đối với các loại phí:

- Phí thường niên: được xác định là phí phát hành thẻ và phí duy trì hoạt động thẻ, được thu hàng năm. Khoản phí này là cần thiết liên quan đến việc phát hành, duy trì hệ thống hoạt động thẻ của Ngân hàng. Tuy nhiên, theo tài liệu do Nguyên đơn cung cấp, do chị Tr đã thanh toán khoản phí này tại các kỳ sao kê trước, Ngân hàng không yêu cầu thanh toán tiếp khoản phí này nên Hội đồng xét xử không xét.



- Phí vượt hạn mức: điểm f Điều 24 Điều khoản sử dụng thẻ quy định: “Phí vượt hạn quá hạn mức: được tính trên số dư vượt quá hạn mức được cấp”. Ngân hàng xác định số tiền dư nợ thẻ (gồm cả gốc, lãi, phí) của chị Tr là: 46.597.523, vượt hạn mức số tiền 40.000.000 đồng được phê duyệt. Như đã phân tích ở trên, Ngân hàng đã xác định dư nợ gốc của khách hàng không đúng (thực tế nợ gốc của chị Tr chỉ là: 39.927.487 đồng) nên việc áp dụng mức phí vượt hạn mức do dư nợ gốc vượt quá hạn mức được cấp phép là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Phí trễ hạn (chậm thanh toán): điểm g Điều 24 Điều khoản sử dụng thẻ quy định: “Phí chậm thanh toán: được thu nếu Chủ thẻ không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn”. Tuy nhiên, thực tế khi khách hàng chậm thanh toán thì đã phải chịu lãi phát sinh và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật nên khoản phí này Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do vậy, số tiền chị Phạm Thu Tr còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S G T T là:  $39.927.487 + 4.360.082 + 23.772.826 + 547.100 = 68.607.495$  đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, buộc chị Phạm Thu Tr phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/6/2021 là: 68.607.495 (Sáu mươi tám triệu sáu trăm linh bảy nghìn bốn trăm chín mươi lăm) đồng; trong đó: nợ gốc là: 39.927.487 đồng, lãi trong hạn là: 4.360.082 đồng, lãi quá hạn là: 23.772.826 đồng, lãi chậm trả là: 547.100 đồng.

**[6] Về án phí và quyền kháng cáo:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu chị Phạm Thu Tr trả tổng số tiền là 74.804.843 đồng, nhưng chỉ được Tòa án chấp nhận số tiền là 68.607.495 đồng, nên phải chịu 310.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 6.197.348 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, được trả lại 978.500 đồng.

Chị Tr phải chịu 3.430.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.*

*Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;*

*Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;*

**Xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T về việc yêu cầu chị Phạm Thu Tr thanh toán số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký kết ngày 18/8/2017. Buộc chị Phạm Thu Tr trả Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T các khoản tiền tạm tính đến ngày 02/6/2021 là: 68.607.495 (Sáu mươi tám triệu sáu trăm linh bảy nghìn bốn trăm chín mươi lăm) đồng; trong đó: nợ gốc là: 39.927.487 đồng, lãi trong hạn là: 4.360.082 đồng, lãi quá hạn là: 23.772.826 đồng, lãi chậm trả là: 547.100 đồng.

**2.** Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký kết ngày 18/8/2017 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S G T T có hiệu lực từ ngày 15/8/2016.

**3. Về án phí:**

**3.1.** Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 310.000 (Ba trăm mười nghìn) đồng, được trừ vào 1.285.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003657 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, được trả lại 975.000 (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí.

**3.2.** Chị Phạm Thu Tr phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.430.375 (Ba triệu bốn trăm ba mươi nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thu Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hoàng Nam**